

Vĩnh Long, ngày 06 tháng 8 năm 2025

Số: 156/TB-HĐXT

THÔNG BÁO

Triệu tập thí sinh tham dự Vòng 2 (Vòng phỏng vấn) kỳ xét tuyển viên chức Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu năm 2024

Căn cứ Kế hoạch số 2096/KH-BVNĐC ngày 07 tháng 10 năm 2024 của Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu về việc xét tuyển viên chức năm 2024;

Hội đồng xét tuyển viên chức năm 2024 thông báo triệu tập 230 thí sinh đủ điều kiện tham dự Vòng 2 (Đính kèm danh sách) như sau:

- Thời gian: Lúc 10 giờ 00 phút, ngày 08 tháng 8 năm 2025.
- Địa điểm: Hội trường Lầu 2 - khu Hành chính Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu, địa chỉ: Số 109, đường Đoàn Hoàng Minh, phường An Hội, tỉnh Vĩnh Long.
- Nội dung: Hội đồng xét tuyển viên chức sinh hoạt cho các thí sinh: Thời gian thi, địa điểm thi, giờ dự lễ khai mạc, phương thức chấm điểm phỏng vấn.

Thông báo thí sinh đủ điều kiện tham dự Vòng 2 (Vòng phỏng vấn) được niêm yết công khai tại phòng Tổ chức cán bộ - Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu và trên Trang thông tin điện tử của Bệnh viện địa chỉ Website: <http://bvndc.vn/tuyen-dung>.

Hội đồng xét tuyển viên chức năm 2024 của Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu thông báo triệu tập các thí sinh đủ điều kiện tham dự Vòng 2 (Vòng phỏng vấn) được biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch và các thành viên HĐXT;
- Ban Giám sát;
- Ban Đề thi, Ban Sát hạch (t/h);
- Phòng TCCB (thông báo thí sinh);
- Đăng Ioffice BV (P.HCQT);
- Đăng website BV (P.KHTH);
- Lưu: VT, HĐXT, KL.



GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN
Trình Minh Hiệp



**DANH SÁCH THÍ SINH KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN THAM GIA DỰ THI VÒNG 2 (VÒNG PHỎNG VẤN),
LÝ DO KHÔNG NỘP PHÍ DỰ TUYỂN KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2024**

(Đính kèm Thông báo số **156** /TB-BVNDČ ngày **06** tháng 8 năm 2025 của Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí tuyển dụng					Đôi tượng ưu tiên	Ghi chú
					Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Chứng chỉ hành nghề/Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp	Ngoại ngữ	Chứng chỉ khác		
1	NGUYỄN THIÊN HỒNG AN	11/07/1998	Nữ	57 đường CN11, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh	Đại học	Bác sĩ y khoa	002655/HCM- GPHN	Bậc 4			
2	NGUYỄN THỊ THỦY DƯƠNG	25/07/1998	Nữ	368/AH, ấp An Hòa, xã An Phú Trung, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre	Đại học	Bác sĩ y khoa	002614/HCM- GPHN	Bậc 3	Tin học cơ bản		
3	LƯƠNG THỦY DƯƠNG	26/02/1995	Nữ	16/69A đường Nguyễn Thiện Thuật, phường 2, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh	Đại học	Bác sĩ y khoa	055786/HCM- CCHN	Bậc 4	Kiến thức và thực hành cơ sở chuyên khoa đa liễu		
4	TRẦN VINH QUANG	12/11/1998	Nam	287 Quốc lộ 60, Phú Hưng 1, xã Bình Phú, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh	Đại học	Bác sĩ y khoa	000189/TV-GPHN	B1	Tin học cơ bản		
5	LÊ THỊ KIM THƯƠNG	30/10/1994	Nữ	118 ấp Tân Phú Đông A, xã Minh Đức, huyện Mô Cày Nam, tỉnh Bến Tre	Đại học	Bác sĩ Y học cổ truyền	056503/HCM- CCHN	HSK cấp độ 3 (Tiếng Trung)	Phục hồi chức năng		
6	NGUYỄN TRẦN LƯỢN	18/10/1997	Nam	105D Đoàn Hoàng Minh, phường 5, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học	Bác sĩ YHDP	0006700/BTR- CCHN	B	Bồi dưỡng CDNN BS Y học dự phòng		
7	DANH DĨ	05/02/2000	Nam	Tổ 11 khu phố Minh Lạc, thị trấn Minh Lương, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang	Cử nhân	Điều dưỡng	000372/BTR- GPHN	ĐẠT			
8	TRƯƠNG THỊ KIM NGỌC	30/11/1990	Nữ	258E khu phố Tiên Tây Thượng, thị trấn Tiên Thủy, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Điều dưỡng	0006327/BTR- GPHN				

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí tuyển dụng					Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
					Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Chứng chỉ hành nghề/Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp	Ngoại ngữ	Chứng chỉ khác		
9	DƯƠNG MỸ PHÚC	02/02/1993	Nữ	148/89 Phụng Châu, xã Sơn Định, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Điều dưỡng	0004873/BTR-CCHN				
10	NGUYỄN THỊ BÍCH PHỤNG	01/11/1995	Nữ	350 Định Lễ, xã Phú Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Điều dưỡng	0004773/BTR-CCHN				
11	HUỲNH THỊ KIM THOA	15/04/1979	Nữ	355D2, khu phố Mỹ Tân, phường 7, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Điều dưỡng	001258/BTR-CCHN				
12	NGUYỄN THỊ NGỌC MAI	04/04/2001	Nữ	01F, ấp Mỹ Đức, xã Bình Phú, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	000276/BTR-GPHN	Bậc: 3	Tin học cơ bản		
13	NGÔ GIA THU	22/07/2001	Nữ	294/3 ấp Hòa Bình, xã Long Thắng, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	000374/ĐT-GPHN	Bậc: 3	Tin học cơ bản		
14	HỒ THỊ HỒNG YẾN	21/09/2001	Nữ	Ấp Đức Mỹ A, xã Đức Mỹ, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	000226/TV-GPHN	B1	Tin học CB-nâng cao		
15	QUÁCH NGỌC DUNG	22/07/1995	Nữ	228 ấp Long Hòa, xã Long Định, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre	Đại học	Dược sĩ	13192/CCHN-D-SYT-HCM	A2 (CEFR cấp)	Tin học cơ bản		
16	LÊ THANH PHƯỚC	11/08/1993	Nam	Ấp Chợ Cũ, xã Thạnh Ngãi, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre	Đại học	Dược sĩ	5107/CCHN-D-SYT-HCM	C			
17	LÊ THUẬN AN	08/05/1994	Nam	253/1/C khu phố 3, thị trấn Bình Đại, huyện Bình Đại, Tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Dược	04323/CCHN-D-SYT-BTR				
18	TẠ THỤY THỦY HƯƠNG	27/01/1997	Nữ	142 ấp An Hòa, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Dược học	1373/CCHN-D-SYT-TG				
19	NGUYỄN THỊ YẾN THANH	25/01/1998	Nữ	194Ô1 khu 1, thị trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang	Cao đẳng	Dược	2629/CCHN-D-SYT-TG				

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí tuyển dụng					Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
					Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Chứng chỉ hành nghề/Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp	Ngoại ngữ	Chứng chỉ khác		
20	TRƯƠNG THỊ KIM THOA	20/06/1996	Nữ	Ấp Thạnh Quí, xã Bảo Thạnh, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre	Đại học	Kỹ sư Công nghệ thực phẩm		ĐẠT	Tin học A; Kỹ năng thực hành nghề Chế biến và bảo quản thủy sản.		
21	VÕ VĂN ALEL	04/08/1990	Nam	88A/1 tổ 4, ấp Phước Tân, xã Tam Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre	Đại học	Kỹ sư Công nghệ thông tin		ĐẠT			
22	NGUYỄN DƯƠNG HOÀNG ANH	17/12/1997	Nam	Tổ 11, ấp Bình Hòa B, xã Bình Trung, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	Đại học	Kỹ sư Công nghệ thông tin		B			
23	ĐÀO MINH HUÂN	10/03/2000	Nam	230A2, khu phố 2, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học	Kỹ sư An toàn thông tin		B1	Kỹ năng Tư duy sáng tạo và quản lý thời gian		
24	BÙI ĐỨC HUY	18/12/1996	Nam	100C, khu phố 2, phường 8, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học	Kỹ sư Công nghệ thông tin		ĐẠT			
25	NGUYỄN VĂN HOÀNG PHÚC	04/11/1996	Nam	299A1, ấp Bình Thạnh, xã Bình Phú, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học	Kỹ sư Công nghệ thông tin		ĐẠT			
26	ĐÀO THỊ HỒNG THỦY	22/06/1993	Nữ	355/1 ấp 1, xã Sơn Đông, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học	Cử nhân Công nghệ thông tin		B			
27	LÊ BÁCH	17/10/1993	Nam	322C, khu phố 2, phường 8, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học	Kỹ sư Bảo hộ lao động		B2	Tin học cơ bản		
28	TRẦN VĂN THÀNH	20/08/1983	Nam	117, ấp Hưng Long, xã Hòa Lộc, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre	Đại học	Kỹ sư Điện công nghiệp			Trung cấp Điện công nghiệp; Nghiệp vụ sư phạm dạy trình độ CĐ.		
29	BÙI QUỐC TRUNG	16/04/2003	Nam	xã Bình Khánh, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Điện công nghiệp			Tin học cơ bản - nâng cao; Giáo dục Quốc phòng, An Ninh.		
30	NGUYỄN THỊ BẢO CHÂU	19/11/1991	Nữ	602C, đường Nguyễn Văn Trung, khu phố 1, phường Phú Khương, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học	Tài chính Ngân hàng		B	Tin học B		



STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí tuyển dụng					Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
					Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Chứng chỉ hành nghề/Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp	Ngoại ngữ	Chứng chỉ khác		
31	TRƯƠNG NGUYỄN PHƯƠNG LIÊN	22/01/2002	Nữ	70A, ấp Hòa Long, xã Giao Long, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre	Đại học	Kế toán		B1	Tin học cơ bản- nâng cao		
32	CHÂU THỊ MỸ LINH	15/05/1991	Nữ	194/1, ấp Mỹ An C, xã Mỹ Thạnh An, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học	Kế toán		C	Tin học B		
33	CAO THỊ LY	09/05/1990	Nữ	Ấp Thanh Sơn 1, xã Tân Thành Bình, huyện Mô Cày Bắc, tỉnh Bến Tre	Đại học	Kế toán		B	Tin học B; KT doanh nghiệp và khai báo thuế; Bằng Dược sĩ Cao đẳng.		
34	TRẦN THỊ KIM NGÂN	09/10/1994	Nữ	80/12/219, đường Dương Quảng Hàm, phường 5, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh	Đại học	Kế toán		B	Tin học B, Bằng Cao đẳng Kế toán		
35	TRẦN THỊ KIM NGÂN	20/05/1996	Nữ	25, ấp Đông Ngô, xã Bình Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre	Đại học	Kế toán		B	Tin học cơ bản; Bằng Cử nhân ngành Thông tin học		
36	PHẠM HIẾU NGHĨA	04/05/2002	Nam	238A/2, ấp 2, xã Sơn Đông, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học	Kế toán		B2	Phần mềm kế toán MISA		
37	NGUYỄN KHIẾT NHƯ	20/03/1997	Nữ	Ấp Xóm Cối, xã Thạnh Ngãi, huyện Mô Cày Bắc, tỉnh Bến Tre	Đại học	Kế toán		B1 (Hutech)	Tin học ứng dụng; Kỹ năng thuyết trình và tìm việc; Kỹ năng tư duy sáng tạo và quản lý thời gian; Chương trình đào tạo đầu thầu cơ bản.		
38	NGUYỄN NGỌC THANH THẢO	15/10/1993	Nữ	166D, khu phố 3, phường 8, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học	Kế toán		B	Tin học B; Chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng.		
39	BÙI THỊ CẨM THU	20/04/1992	Nữ	122A5, khu phố 2, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học	Kế toán	118466 ĐTBD/HVTC	B1	Tin học B		
40	PHẠM HUỲNH HUÊ TRINH	27/04/1989	Nữ	65 khu phố 3, thị trấn Giồng Trôm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre	Đại học	Kế toán		B	Tin học B		

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí tuyển dụng					Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
					Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Chứng chỉ hành nghề/Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp	Ngoại ngữ	Chứng chỉ khác		
41	VÕ THỊ CẢNH	21/11/1986	Nữ	622, ấp Bình Tiên, xã Bình Thành, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Kế toán		A	Tin học A		
42	NGUYỄN ĐÌNH CẢNH	23/07/1993	Nam	148a1, khu phố 2, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Kế toán		B	Tin học A		
43	PHẠM VĂN HẬU	23/07/2002	Nam	234 ấp Phú Tân, xã Phú Túc, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre	Đại học	Quản lý nhà nước		B2			
44	NGUYỄN NHẬT LINH	14/02/2002	Nam	410B/42, đường Hậu Giang, phường 12, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh	Đại học	Quản lý nhà nước		Bậc: 3	Tin học cơ bản		
45	PHAN ANH XUÂN	05/03/2000	Nam	565 ấp Phú Thuận, xã Châu Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre	Đại học	Quản trị kinh doanh		TOEIC515	Tin học cơ bản		

TỔNG CỘNG: 45 THÍ SINH KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN THAM GIA VÒNG 2, LÝ DO KHÔNG NỘP PHÍ DỰ TUYỂN



DANH SÁCH TRIỆU TẬP THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THAM GIA DỰ THI VÒNG 2 (VÒNG PHÒNG VẤN) KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2024

(Đính kèm Thông báo số 156 /TB-BVNĐC ngày 16 tháng 8 năm 2025 của Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí tuyển dụng					Đối tượng ưu tiên	Kết quả	Ghi chú
					Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Chứng chỉ hành nghề/Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp	Ngoại ngữ	Chứng chỉ khác			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1. Vị trí: Bác sĩ y khoa												
1	NGUYỄN HỒNG AN	10/01/1998	Nữ	Tổ 1b, ấp Long Quới, xã Phú Thuận, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Bác sĩ y khoa	000386/BTR-GPHN	Bậc 3			ĐẠT	
2	NGUYỄN GIA BẢO	20/08/1996	Nam	98A8, khu phố 2, phường Phú Tân, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Bác sĩ y khoa	0006348/BTR-CCHN	ĐẠT	Siêu âm thực hành		ĐẠT	
3	TÔ HỒNG CẨM	26/09/1995	Nữ	19A14, phường Sơn Đông, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Bác sĩ y khoa	0006402/BTR-CCHN	ĐẠT			ĐẠT	
4	KIM LINH CHI	28/01/1996	Nữ	124/2 ấp Xương Thới 1, xã Đại Điền, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Bác sĩ Y khoa	0006376/BTR-CCHN	Bậc 3	Tin học cơ bản		ĐẠT	
5	PHẠM THỊ CHUNG	16/10/1998	Nữ	379/PTHO, ấp Phước Thới, xã Tân Xuân, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Bác sĩ y khoa	000112/BTR-GPHN	Bậc 4	Tin học cơ bản		ĐẠT	
6	HUỲNH QUỐC CƯỜNG	29/10/1997	Nam	Xã Cù Lao Dung, Thành phố Cần Thơ	Đại học	Bác sĩ y khoa	000376/BTR-GPHN	ĐẠT	Kỹ năng đọc điện tâm đồ		ĐẠT	
7	VĂN NGUYỄN HẠNH ĐAN	07/10/1990	Nữ	104D, ấp Bình Thành, phường Bến Tre, tỉnh Vĩnh Long	Sau đại học	Thạc sĩ y học nội khoa	0005012/BTR-CCHN	B	Siêu âm tim	Dân tộc Khmer	ĐẠT	
8	VÕ TẤN ĐẠT	25/02/1994	Nam	352B1 phường Bến Tre, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Bác sĩ Y khoa	000344/BTR-GPHN	B	Tin học ứng dụng		ĐẠT	
9	PHẠM TRẦN THÀNH ĐẠT	11/12/1996	Nam	196/49E đường Tôn Thất Thuyết, phường Vĩnh Hội, thành phố Hồ Chí Minh	Đại học	Bác sĩ y khoa	0006548/BTR-CCHN	ĐẠT	Bồi dưỡng chuyên môn sau đại học GMHS; Tin học cơ bản		ĐẠT	
10	PHAN THÀNH DUY	11/09/1996	Nam	127/TK, xã An Hiệp, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Bác sĩ y khoa	0006442/BTR-CCHN	Bậc 4	Siêu âm bụng tổng quát; Siêu âm mạch máu.		ĐẠT	
11	TRỊNH ĐÌNH DUY	17/09/1995	Nam	376F khu phố 2, phường Phú Khương, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Bác sĩ y khoa	0006520/BTR-CCHN	ĐẠT			ĐẠT	
12	NGUYỄN THỊ MỸ DUYÊN	04/03/1996	Nữ	225 ấp Phước Lễ, xã Tiên Thủy, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Bác sĩ y khoa	000203/BTR-GPHN	Bậc 3	Tin học cơ bản		ĐẠT	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí tuyển dụng					Đối tượng ưu tiên	Kết quả	Ghi chú
					Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Chứng chỉ hành nghề/Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp	Ngoại ngữ	Chứng chỉ khác			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
13	TRẦN QUỲNH DUYỀN	22/11/1994	Nữ	15 Đường 3/2, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang	Đại học	Bác sĩ y khoa	0005605/BTR-CCHN	Bậc 5	Tin học cơ bản; Kiến thức và thực hành cơ bản chuyên khoa đa liễu.		ĐẠT	
14	NGUYỄN THỊ THU HẰNG	30/10/1993	Nữ	558A6 ấp Bình Thành, phường Bến Tre, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Bác sĩ y khoa	000148/BTR-GPHN	B	Tin học B		ĐẠT	
15	NGUYỄN NGỌC HIẾU	10/01/1997	Nam	Phường Bến Tre, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Bác sĩ y khoa	000048/BTR-GPHN	ĐẠT			ĐẠT	
16	NGUYỄN TRỌNG HỮU	13/04/1992	Nam	Ấp Bình Tây, xã Vĩnh Thành, tỉnh Vĩnh Long	Sau đại học	Bác sĩ Chuyên khoa I Ngoại Thần kinh và Sọ não	0005088/BTR-CCHN	B			ĐẠT	
17	NGUYỄN THANH HUY	08/12/1995	Nam	33A khu phố 6, xã Mỏ Cày, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Bác sĩ y khoa	0006773/BTR-CCHN	B	Thực hành Sản phụ khoa 18 tháng; Phẫu thuật nội soi phụ khoa cơ bản; Kỹ thuật siêu âm bơm nước buồng tử cung. Bồi dưỡng kiến thức gây mê hồi sức cơ bản Siêu âm thực hành Sản phụ khoa		ĐẠT	
18	NGUYỄN THỊ MỸ HUYỀN	03/03/1995	Nữ	Ấp Tân Thiện, xã Tân Thành Bình, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Bác sĩ y khoa	0006098/BTR-CCHN	Bậc 4			ĐẠT	
19	TRẦN QUANG HY	25/08/1996	Nam	15/3 ấp Khu Phố, xã Đại Điền, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Bác sĩ y khoa	0006374/BTR-CCHN	ĐẠT	Tin học cơ bản; Chăm sóc điều trị thiết yếu sơ sinh.	Dân tộc Hoa	ĐẠT	
20	THÁI TRƯỜNG KHANH	29/12/1994	Nam	447/VĐĐ, ấp Vĩnh Đức Đông, xã Ba Tri, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Bác sĩ y khoa	0005737/BTR-CCHN	B1	Tin học cơ bản		ĐẠT	
21	TRẦN THỊ VÂN KHÁNH	27/09/1994	Nữ	99A11 khu phố 2, phường Phú Tân, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Bác sĩ y khoa	0006539/BTR-CCHN	ĐẠT	Kiến thức và kỹ năng cơ bản về chuyên khoa mắt.		ĐẠT	
22	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	29/11/1997	Nam	Xã Thạnh Phong, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Bác sĩ y khoa	000021/BTR-GPHN	Bậc 3	Tin học cơ bản		ĐẠT	
23	NGUYỄN MINH LỘC	18/01/1996	Nam	Số 229, Tổ 10, ấp Minh Nghĩa, xã Hương Mỹ, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Bác sĩ Y khoa	0006792/BTR-CCHN	B1			ĐẠT	
24	NGUYỄN THÀNH LỢI	15/05/1995	Nam	19A10 khu phố Bình Khởi, phường Sơn Đông, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Bác sĩ y khoa	0006192/BTR-CCNH	TOEIC 505	Tin học cơ bản; Phẫu thuật nội soi ổ bụng; Siêu âm tổng quát.		ĐẠT	
25	LÊ VĂN LỘNG	19/08/1996	Nam	Ấp An Lộc, xã Thành Thới, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Bác sĩ y khoa	000001/BTR-GPHN	Bậc 3			ĐẠT	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí tuyển dụng					Đối tượng ưu tiên	Kết quả	Ghi chú
					Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Chứng chỉ hành nghề/Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp	Ngoại ngữ	Chứng chỉ khác			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
26	LÊ HOÀNG LUÂN	23/11/1993	Nam	Ấp Hòa Hưng, xã Tân Thành Bình, tỉnh Vĩnh Long	Sau đại học	CKI chuyên ngành Nhi khoa	0005621/BTR-CCHN	ĐẠT	Tin học cơ bản		ĐẠT	
27	NGUYỄN DUY MINH	27/02/1995	Nam	49/2 đường Phan Đình Phùng, khu phố 9, phường An Hội, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Bác sĩ Y khoa	046101/BYT-CCHN	B	HSCC; Đọc điện tim; Điều trị và dự phòng TBMMN.		ĐẠT	
28	NGUYỄN LÊ NHẬT MINH	19/04/1995	Nam	192/31 ấp Vĩnh Bắc, xã Vĩnh Thành, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Bác sĩ y khoa	0006509/BTR-CCHN	Bậc 3			ĐẠT	
29	LÊ HOÀI NAM	18/06/1997	Nam	Ấp Bình Thạnh 2, xã Thạnh Trị, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Bác sĩ y khoa	0006686/BTR-CCHN	Bậc 3	Tin học cơ bản; Hồi sức cấp cứu; Điều trị thay thế thận liên tục và thay huyết tương dành cho bác sĩ.		ĐẠT	
30	TRẦN THỊ THU NGÂN	24/12/1995	Nữ	20A1, đường Phạm Thái Bường, phường Phước Hậu, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Bác sĩ y khoa	0006213/BTR-CCHN	TOEIC490	Tin học cơ bản		ĐẠT	
31	NGUYỄN ĐÌNH NGHI	10/02/1995	Nam	19A14, phường Sơn Đông, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Bác sĩ y khoa	0006352/BTR-CCHN	ĐẠT			ĐẠT	
32	PHAN ĐÌNH HỮU NGHĨA	26/01/1994	Nam	Ấp Nhơn Phú, xã Vĩnh Thành, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Bác sĩ y khoa	0005654/BTR-CCHN	Bậc 3	Tin học cơ bản		ĐẠT	
33	DƯƠNG THÁI NGUYỄN	29/09/1994	Nam	104B Đoàn Hoàng Minh, phường An Hội, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Bác sĩ y khoa	0006398/BTR-CCHN	B1			ĐẠT	
34	LƯU THANH NHÀN	15/02/1995	Nữ	33A khu phố 6, xã Mỏ Cây, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Bác sĩ y khoa	0006334/BTR-CCHN	B	Thực hành Sản phụ khoa 18 tháng; Thực hành soi cổ tử cung cơ bản; Cấy và rút que Implanon NTX. Phá thai Nội khoa; Siêu âm thực hành Sản phụ khoa; Kỹ thuật siêu âm bơm nước buồng tử cung.		ĐẠT	
35	PHAN HOÀNG NHI	01/05/1995	Nam	36 ấp Định Nhơn, xã Đồng Khởi, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Bác sĩ Y khoa	0006636/BTR-CCHN	ĐẠT	Siêu âm tổng quát thực hành; Tin học cơ bản.		ĐẠT	
36	NGUYỄN HỒ THẢO NHI	15/11/1997	Nữ	37/3 Xương Thới 1, xã Đại Điền, Tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Bác sĩ y khoa	000002/BTR-GPHN	C	Tin học cơ bản		ĐẠT	
37	NGUYỄN KHẮC SINH NHỰT	04/10/1996	Nam	199A ấp Chợ, xã Tiên Thủy, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Bác sĩ y khoa	000204/BTR-GPHN	Bậc 3	Tin học cơ bản Đào tạo sĩ quan dự bị Bác sĩ Quân y		ĐẠT	
38	LƯU HỒNG PHÚC	17/12/1994	Nam	Ấp Rạch Gừa, xã Thạnh Trị, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Bác sĩ y khoa	0006184/BTR-CCHN	B2			ĐẠT	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí tuyển dụng					Đối tượng ưu tiên	Kết quả	Ghi chú
					Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Chứng chỉ hành nghề/Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp	Ngoại ngữ	Chứng chỉ khác			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
39	LÊ NHẬT QUANG	19/09/1996	Nam	xã An Thạnh, Thành phố Cần Thơ	Đại học	Bác sĩ y khoa	000083/ST-GPHN	C	Tin học cơ bản		ĐẠT	
40	BÙI ĐỨC TÀI	15/02/1984	Nam	Ấp Phú Mỹ, xã Lộc Thuận, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Bác sĩ y khoa	0002308/BTR-CCHN	ĐẠT	Bồi dưỡng chuyên khoa CDHA siêu âm tim, siêu âm mạch máu.		ĐẠT	
41	PHAN PHẠM QUỐC THÁI	28/06/1996	Nam	Khu phố 4, đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang	Đại học	Bác sĩ y khoa	0006409/BTR-CCHN	B1			ĐẠT	
42	TÔNG THANH THANH	21/03/1997	Nữ	Ấp Phú Mỹ, xã Lộc Thuận, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Bác sĩ y khoa	0006799/BTR-CCHN	B1	Bồi dưỡng chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh siêu âm tim, siêu âm mạch máu.		ĐẠT	
43	NGUYỄN TÂN THÀNH	18/03/1997	Nam	Tổ 4 khu phố Hòa Lập, xã Kiên Lương, tỉnh An Giang	Đại học	Bác sĩ y khoa	0006765/BTR-CCHN	Bậc 3	Bồi dưỡng chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh siêu âm tim, siêu âm mạch máu.		ĐẠT	
44	HẠ THỊ THANH THẢO	08/10/1994	Nữ	Ấp Chợ Xếp, xã Tân Thành Bình, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Bác sĩ y khoa	0006217/BTR-CCHN	Bậc 3	Tin học cơ bản		ĐẠT	
45	TRƯƠNG VĂN THẢO	30/12/1998	Nam	Tổ 13A, ấp An Thiện, xã Thành Thới, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Bác sĩ y khoa	000097/BTR-GPHN	Bậc 4			ĐẠT	
46	NGUYỄN XUÂN THIỆN	18/12/1997	Nam	36 ấp Thới Hòa, xã Châu Hòa, tỉnh Vĩnh Long	Sau đại học	CKI chuyên ngành Chẩn thương chính hình	0004521/BTR-CCHN	B	Tin học ứng dụng		ĐẠT	
47	NGUYỄN THỊ ANH THU	02/07/1997	Nữ	20 ấp Hưng An A, xã Tân Hào, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Bác sĩ y khoa	000322/BTR-GPHN	B1	Tin học cơ bản		ĐẠT	
48	NGUYỄN THOẠI ANH THU	20/12/1997	Nữ	53 ấp Tân Phú 1, xã Đồng Khới, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Bác sĩ y khoa	000134/BTR-GPHN	Bậc 3	Tin học B		ĐẠT	
49	NGUYỄN THỊ KIỀU TIỀN	23/11/1998	Nữ	167/AL, ấp An Lợi, xã An Ngãi Trung, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Bác sĩ y khoa	000195/BTR-GPHN	Bậc 3			ĐẠT	
50	PHẠM TRÍ TÍN	01/10/1994	Nam	299A/AH, tổ 1, ấp An Hội, xã Ba Tri, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Bác sĩ y khoa	0005688/BTR-CCHN	C	Nội soi, nội soi can thiệp tiết niệu		ĐẠT	
51	NGUYỄN VI HOÀNG TÍN	11/09/1994	Nam	Phường An Hội, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Bác sĩ y khoa	0005664/BTR-CCHN	B	Tin học cơ bản		ĐẠT	
52	TRẦN LƯU HUỖNH TRANG	21/10/1994	Nữ	264C1 khu phố 13, phường An Hội, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Bác sĩ y khoa	0006307/BTR-CCHN	B1			ĐẠT	
53	NGUYỄN VĂN TRẠNG	06/02/1998	Nam	394/3, ấp Đại Thôn, xã Thạnh Phong, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Bác sĩ y khoa	000096/BTR-GPHN	Bậc 3	Tin học cơ bản		ĐẠT	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí tuyển dụng					Đối tượng ưu tiên	Kết quả	Ghi chú
					Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Chứng chỉ hành nghề/Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp	Ngoại ngữ	Chứng chỉ khác			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
54	HUỲNH MINH TRÍ	15/12/1993	Nam	160/1 đường Nguyễn Ngọc Nhựt, phường An Hội, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Bác sĩ y khoa	0006095/BTR-CCHN	CN ngôn ngữ Anh	Kỹ thuật đặt máy tạo nhịp tim vĩnh viễn; Siêu âm tim và bệnh lý tim mạch khóa 2.		ĐẠT	
55	NGUYỄN ĐOÀN MINH TRÍ	01/01/1998	Nam	163B9 đường Nguyễn Văn Tư, phường An Hội, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Bác sĩ y khoa	000141/BTR-GPHN	Bậc 3	Tin học cơ bản; Bồi dưỡng chuyên khoa Tai mũi họng; Nội soi chẩn đoán và phẫu thuật nội soi TMH.		ĐẠT	
56	NGUYỄN THANH TRÚC	02/01/1995	Nữ	366/TA, xã Tân Xuân, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Bác sĩ y khoa	0006432/BTR-CCHN	ĐẠT			ĐẠT	
57	PHAN MINH TRUNG	11/09/1995	Nam	140A2, phường Phú Tân, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Bác sĩ y khoa	0006146/BTR-CCHN	TOEIC 475			ĐẠT	
58	TRẦN QUANG TRUNG	19/03/1998	Nam	Ấp 3A, xã An Trường, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Bác sĩ y khoa	000189/BTR-GPHN	Bậc 4	Tin học cơ bản		ĐẠT	
59	TRẦN CÔNG NAM TRUNG	11/06/1983	Nam	113C khu phố 2, phường Phú Khương, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Bác sĩ y khoa	0006228/BTR-CCHN	B1	Tin học cơ bản		ĐẠT	
60	UÔNG THỊ THANH TUYẾN	15/01/1997	Nữ	Ấp Bình Thạnh 3, xã Thạnh Trại, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Bác sĩ y khoa	000172/BTR-GPHN	Bậc 4			ĐẠT	
61	LÊ HOÀNG VIỆT	22/01/1995	Nam	014/GA, Ấp Giồng Ao, xã An Hiệp, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Bác sĩ y khoa	000091/BTR-GPHN	ĐẠT	Chuyên khoa Nhân khoa		ĐẠT	
62	NGUYỄN NHUY THANH VY	24/11/1997	Nữ	243E2 khu phố Mỹ Tân, phường Bến Tre, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Bác sĩ y khoa	0006677/BTR-CCHN	Bậc 3	Tin học cơ bản		ĐẠT	
2. Vị trí: Bác sĩ Răng Hàm Mặt												
1	VÕ THỊ TƯỜNG VI	20/05/1993	Nữ	173C ấp 2B, phường Phú Khương, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Bác sĩ Răng Hàm Mặt	0006697/BTR-CCHN	Bậc 3	Tin học cơ bản		ĐẠT	
3. Vị trí: Bác sĩ y học cổ truyền												
1	PHAN THỊ PHƯƠNG CHI	26/05/1993	Nữ	Ấp Thanh Xuân 2, phường Bến Tre, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Bác sĩ Y học cổ truyền	045051/HCM-CCHN	Bậc 3	Phục hồi chức năng		ĐẠT	
2	NGUYỄN THỊ THẢO NGUYỄN	22/08/1996	Nữ	331/TT, ấp Tân Thị, xã Tân Xuân, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Bác sĩ Y học cổ truyền	0006431/BTR-CCHN	B	Tin học cơ bản		ĐẠT	
4. Vị trí: Bác sĩ y học dự phòng												

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí tuyển dụng					Đối tượng ưu tiên	Kết quả	Ghi chú
					Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Chứng chỉ hành nghề/Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp	Ngoại ngữ	Chứng chỉ khác			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	LÊ THỊ HỒNG HƯƠNG	29/12/1993	Nữ	8/1 ấp An Bình, xã Thanh Phú, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Bác sĩ YHDP	0005773/BTR-CCHN	B	Bồi dưỡng CDNN BS Y học dự phòng		ĐẠT	
5. Vị trí: Cử nhân Điều dưỡng												
1	HUỶNH NGỌC BÍCH	20/07/1993	Nữ	45a6 khu phố Bình Khởi, phường Sơn Đông, tỉnh Vĩnh Long	Cử nhân	Điều dưỡng	0002895/BTR-CCHN	B	An toàn chuyển viện		ĐẠT	
2	BÙI THỊ THÚY DUY	22/02/2001	Nữ	Ấp Thạnh An, xã Thạnh Phong, tỉnh Vĩnh Long	Cử nhân	Điều dưỡng	000015/BTR-GPHN	ĐẠT			ĐẠT	
3	NGUYỄN PHI HÙNG	29/09/1996	Nam	Ấp Hưng Hòa Tây, xã Hưng Nhượng, tỉnh Vĩnh Long	Cử nhân	Điều dưỡng	000056/BTR-GPHN	B			ĐẠT	
4	NGUYỄN ĐÀO TUẤN KIẾT	05/05/2000	Nam	41/3 khu phố 3, xã Thanh Phú, tỉnh Vĩnh Long	Cử nhân	Điều dưỡng	000121/BTR-GPHN	B1			ĐẠT	
5	NGUYỄN THỊ DUY LINH	06/10/1996	Nữ	Ấp Tân Đức B, xã Tân Thành Bình, tỉnh Vĩnh Long	Cử nhân	Điều dưỡng	0006698/BTR-CCHN	B			ĐẠT	
6	HUỶNH KIM NGÂN	01/01/1991	Nữ	Tổ 16, ấp Bình Thới, xã Mỏ Cày, tỉnh Vĩnh Long	Cử nhân	Điều dưỡng	003449/CT-GPHN	B			ĐẠT	
7	TỬ PHẠM SONG NGÂN	29/09/1999	Nữ	Ấp Hòa Phú 2, xã Đồng Khởi, tỉnh Vĩnh Long	Cử nhân	Điều dưỡng	0006703/BTR-CCHN	ĐẠT			ĐẠT	
8	NGUYỄN MINH QUỐC	15/08/1992	Nam	Xã Phước Mỹ Trung, tỉnh Vĩnh Long	Cử nhân	Điều dưỡng	000314/BTR-GPHN	B		Quân nhân xuất ngũ	ĐẠT	
9	TRẦN THỊ MINH THƯ	02/05/2001	Nữ	123B đường Trương Định, phường Sơn Đông, tỉnh Vĩnh Long	Cử nhân	Điều dưỡng	000286/BTR-GPHN	ĐẠT			ĐẠT	
10	NGUYỄN DƯƠNG CÔNG THỤY	15/04/1979	Nữ	549 ấp Tân An Thượng, xã Phú Túc, tỉnh Vĩnh Long	Cử nhân	Điều dưỡng	0020416/HCM-CCHN	ĐẠT	ĐD dụng cụ nội soi phế quản; Hướng dẫn xử lý dụng cụ nội soi chẩn đoán; KSNK trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. An toàn tiêm chủng		ĐẠT	
11	HUỶNH HỮU VINH	07/12/1997	Nam	Ấp Tân Thông, phường Bến Tre, tỉnh Vĩnh Long	Cử nhân	Điều dưỡng	0006691/BTR-CCHN	ĐẠT			ĐẠT	
6. Vị trí: Điều dưỡng Cao đẳng												
1	NGUYỄN THỊ THÚY AN	31/07/1996	Nữ	Tổ 2, Ấp Tân Hòa B, xã An Định, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Điều dưỡng	0006699/BTR-CCHN				ĐẠT	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí tuyển dụng					Đối tượng ưu tiên	Kết quả	Ghi chú
					Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Chứng chỉ hành nghề/Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp	Ngoại ngữ	Chứng chỉ khác			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
2	VÕ TRƯỜNG ÂN	03/06/1999	Nam	444, tổ 17, ấp Bình Tiên, xã Giồng Trôm, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Điều dưỡng	0006480/BTR-CCHN				ĐẠT	
3	PHẠM THỊ NGỌC CHÂU	29/03/2001	Nữ	Số 78, tổ 4, ấp Tân Hòa, xã Tân Thành Bình, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Điều dưỡng	0006811/BTR-CCHN				ĐẠT	
4	NGUYỄN THƯƠNG CHỊ	29/07/2001	Nữ	Ấp Vinh Xương, xã Lộc Thuận, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Điều dưỡng	000245/BTR-GPHN				ĐẠT	
5	NGUYỄN THỊ KIM CHUNG	06/06/1986	Nữ	Ấp Tân Đức B, xã Tân Thành Bình, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Điều dưỡng	000193/BTR-GPHN				ĐẠT	
6	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG DUNG	17/02/2001	Nữ	22 ấp Phú Hoà, phường An Hội, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Điều dưỡng	0006770/BTR-CCHN				ĐẠT	
7	NGUYỄN DƯƠNG	20/01/2001	Nam	559 tổ 9, ấp Bình Tiên 2, xã Giồng Trôm, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Điều dưỡng	000238/BTR-GPHN		ĐD chuyên ngành GMHS		ĐẠT	
8	HỒ THỊ MỸ DUYÊN	12/05/1998	Nữ	440/ PL, ấp Phú Lợi, xã Tân Xuân, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Điều dưỡng	0006261/BTR-CCHN				ĐẠT	
9	LÊ THỊ THANH HÂN	05/05/2001	Nữ	062/TQ, ấp Tân Quý, xã Mỹ Chánh Hòa, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Điều dưỡng	0006779/BTR-CCHN				ĐẠT	
10	TRẦN QUANG KHA	19/07/1994	Nam	663 ấp An Thuận, xã Hưng Nhượng, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Điều dưỡng	000094/BTR-GPHN				ĐẠT	
11	TRẦN THỊ MỘNG KHA	06/09/2000	Nữ	663 ấp An Thuận, xã Hưng Nhượng, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Điều dưỡng	0006502/BTR-CCHN				ĐẠT	
12	LÊ DUY KHÁNH	17/11/1995	Nam	354 ấp Long Thuận, phường An Hội, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Điều dưỡng	001828/HCM-GPHN				ĐẠT	
13	NGUYỄN THỊ KIM KIỀU	15/10/1999	Nữ	Xã Thạnh Phước, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Điều dưỡng	0006771/BTR-CCHN				ĐẠT	
14	NGUYỄN THỊ TRÚC LAN	02/08/1985	Nữ	Ấp Tân Thiện, xã Tân Thành Bình, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Điều dưỡng	0001254/BTR-CCHN				ĐẠT	
15	DƯƠNG THỊ MUỘI	10/08/1991	Nữ	80/2 ấp Giao Bình, xã Thạnh Phong, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Điều dưỡng	0003596/BTR-CCHN				ĐẠT	
16	VÕ THỊ KIM NGÂN	27/12/2000	Nữ	731 ấp Bình Đông, xã Giồng Trôm, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Điều dưỡng	0004147/BTR-CCHN				ĐẠT	
17	DƯƠNG THỊ MỘNG NGHI	03/11/1995	Nữ	Ấp Ông Côm, xã Phước Mỹ Trung, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Điều dưỡng	0006783/BTR-CCHN				ĐẠT	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí tuyển dụng					Đối tượng ưu tiên	Kết quả	Ghi chú
					Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Chứng chỉ hành nghề/Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp	Ngoại ngữ	Chứng chỉ khác			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
18	NGUYỄN TRƯỞNG BẢO NGHI	23/09/2001	Nữ	29/1, khu phố 2, xã Mỏ Cày, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Điều dưỡng	000376/BTR-GPHN				ĐẠT	
19	TRẦN SĨ NGỰ	14/09/2000	Nam	190/38 ấp Thanh Trung, xã Hưng Khánh Trung, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Điều dưỡng	0006327/BTR-CCHN				ĐẠT	
20	BÙI THỊ TỎ NGUYỄN	12/07/1992	Nữ	Ấp An Thuận, xã Hưng Nhượng, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Điều dưỡng	000158/BTR-GPHN				ĐẠT	
21	TRẦN ĐỨC NHÂN	07/02/1993	Nam	187 ấp Long Nội, xã Lương Phú, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Điều dưỡng	0006728/BTR-CCHN				ĐẠT	
22	CHÂU THỊ HUỲNH NHƯ	27/11/1994	Nữ	77/2, đường Nguyễn Huệ, khu phố 9, phường An Hội, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Điều dưỡng	005208/TG-CCHN				ĐẠT	
23	DƯƠNG TÂM NHƯ	22/09/2000	Nữ	16 ấp Hưng Phú, xã Phước Long, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Điều dưỡng	0006648/BTR-CCHN				ĐẠT	
24	PHẠM CẨM NHUNG	20/09/1989	Nữ	670 ấp Phong Phú, xã Lương Hòa, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Điều dưỡng	0006702/BTR-CCHN				ĐẠT	
25	LƯU THỊ TRÚC PHƯƠNG	17/11/1993	Nữ	279AD ấp Bình Thanh, phường Bến Tre, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Điều dưỡng	0004494/BTR-CCHN				ĐẠT	
26	HỒ THỊ MỸ PHƯỢNG	21/09/2001	Nữ	Khu chung cư 7, Hữu Thành, phường Phú Tân, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Điều dưỡng	000026/BTR-GPHN				ĐẠT	
27	HỒ THÁI QUÝ	02/10/1996	Nam	109/AQ, ấp An Quới, xã Ba Tri, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Điều dưỡng	0006582/BTR-CCHN				ĐẠT	
28	NGUYỄN HỒ THẢO QUYÊN	19/08/2002	Nữ	Ấp Thanh Tân, xã Đồng Khởi, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Điều dưỡng	000300/BTR-GPHN				ĐẠT	
29	NGUYỄN VĂN TÀI	08/03/2002	Nam	Ấp Giồng Nâu, xã Nhuận Phú Tân, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Điều dưỡng	000297/BTR-GPHN				ĐẠT	
30	HUỲNH LÊ KIM TÂM	22/04/2000	Nữ	71/66 ấp Định Bình, xã Chợ Lách, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Điều dưỡng	0006481/BTR-CCHN				ĐẠT	
31	NGUYỄN THỊ KIM THẨM	03/04/2001	Nữ	Ấp Phước Thạnh 2, xã Tiên Thủy, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Điều dưỡng	000120/BTR-GPHN				ĐẠT	
32	LÊ ĐẶNG KIM THANH	04/03/2000	Nữ	86, ấp Long Ngoại, xã Lương Phú, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Điều dưỡng	0006513/BTR-CCHN				ĐẠT	
33	NGUYỄN THỊ NGỌC THANH	01/10/2001	Nữ	172C ấp Tiên Đông Thượng, xã Tiên Thủy, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Điều dưỡng	0006764/BTR-CCHN				ĐẠT	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí tuyển dụng					Đối tượng ưu tiên	Kết quả	Ghi chú
					Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Chứng chỉ hành nghề/Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp	Ngoại ngữ	Chứng chỉ khác			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
34	HUỖNH THANH THẢO	20/07/1990	Nữ	Ấp Hưng Long, xã Phước Long, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Điều dưỡng	050475/HCM-CCHN				ĐẠT	
35	NGUYỄN THỊ MAI THẢO	11/06/2001	Nữ	172/MQ, ấp Mỹ Quý, xã Tân Xuân, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Điều dưỡng	000298/BTR-GPHN				ĐẠT	
36	NGUYỄN THỊ BÉ THI	30/09/1992	Nữ	Ấp Hồ Sen, xã Giồng Trôm, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Điều dưỡng	0006805/BTR-CCHN				ĐẠT	
37	TÔ THỊ CÀ THO	01/04/1997	Nữ	Xã Thạnh Phú, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Điều dưỡng	048011/HCM-CCHN		Quy trình chăm sóc chuyên biệt người bệnh đột quỵ não Hồi sinh tim phổi và cấp cứu đột quỵ ngoài BV		ĐẠT	
38	BÙI THỊ KIM THOA	29/10/1999	Nữ	369 ấp Quý Điền B, xã Tân Hào, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Điều dưỡng	0006482/BTR-CCHN				ĐẠT	
39	VÕ MINH THUẬN	26/11/1996	Nữ	752 ấp 6, Xã Giồng Trôm, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Điều dưỡng	0006562/BTR-CCHN				ĐẠT	
40	HUỖNH THỊ HOÀI THƯƠNG	05/06/2002	Nữ	Ấp Tiên Đông, xã Tân Phú, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Điều dưỡng	000317/BTR-GPHN				ĐẠT	
41	NGUYỄN THỊ TÌNH	20/10/2001	Nữ	275/HB, xã Mỹ Chánh Hòa, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Điều dưỡng	000125/BTR-GPHN				ĐẠT	
42	NGUYỄN BÍCH TRÂM	21/06/2002	Nữ	Ấp Hội Thành, xã Mỏ Cây, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Điều dưỡng	000326/BTR-GPHN				ĐẠT	
43	LÊ THỊ NGỌC TRÂM	05/05/1993	Nữ	525 ấp Thới Hoà, xã Châu Hoà, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Điều dưỡng	0004760/BTR-CCHN				ĐẠT	
44	LÊ THỊ NGỌC TRÂN	25/06/2002	Nữ	716 ấp Tân Thới, xã Tân Hào, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Điều dưỡng	000292/BTR-GPHN				ĐẠT	
45	HUỖNH THỊ ĐOAN TRANG	08/04/1998	Nữ	Xã Hương Mỹ, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Điều dưỡng	051444/HCM-CCHN				ĐẠT	
46	NGUYỄN NGỌC CẨM TÚ	12/03/2001	Nữ	192/XM, ấp Xóm Mới, xã Mỹ Chánh Hòa, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Điều dưỡng	0006760/BTR-CCHN				ĐẠT	
47	ĐÀO THỊ CẨM TÚ	04/05/1995	Nữ	Ấp Hưng Chánh, xã Châu Hưng, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Điều dưỡng	0006595/BTR-CCHN				ĐẠT	
48	HUỖNH THỊ CẨM TÚ	11/06/1999	Nữ	91 ấp Bình Phú, xã Hương Mỹ, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Điều dưỡng	0006556/BTR-CCHN				ĐẠT	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí tuyển dụng					Đối tượng ưu tiên	Kết quả	Ghi chú
					Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Chứng chỉ hành nghề/Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp	Ngoại ngữ	Chứng chỉ khác			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
49	PHẠM CẨM TÚ	29/06/2002	Nữ	483 ấp Bình Đông A, xã Châu Hoà, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Điều dưỡng	000299/BTR-GPHN				ĐẠT	
50	TRẦN THỊ MINH TÚ	10/06/1999	Nữ	Ấp An Hoà, xã Ba Tri, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Điều dưỡng	0006298/BTR-CCHN				ĐẠT	
51	HUỲNH THỊ THANH UYÊN	11/08/2002	Nữ	Ấp Tân Long 2, xã Tân Thành Bình, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Điều dưỡng	000301/BTR-GPHN				ĐẠT	
52	PHAN VĂN VŨ	20/08/2000	Nam	Ấp Thanh Bình 1, xã Tân Thành Bình, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Điều dưỡng	0006572/BTR-CCHN				ĐẠT	
53	TẠ VY	11/07/2002	Nữ	17/1 ấp Thạnh Khương B, xã Quới Điền, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Điều dưỡng	000379/BTR-GPHN				ĐẠT	
54	MAI THỊ HỒNG YẾN	15/12/1993	Nữ	Ấp Tân An, xã Tân Thành Bình, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Điều dưỡng	0006597/BTR-CCHN				ĐẠT	
7. Vị trí: Điều dưỡng Gây mê Hồi sức												
1	VÕ HOÀNG PHÚC	19/02/2000	Nam	204h, khu phố Bình Thạnh, phường Bến Tre, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức	0006567/BTR-CCHN	ĐẠT			ĐẠT	
2	LÊ PHƯƠNG NHỰT VY	28/03/2000	Nữ	605B6, khu phố 3, phường Phú Khương, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức	0006577/BTR-CCHN	ĐẠT			ĐẠT	
8. Vị trí: Cử nhân Hình ảnh Y học												
1	TRẦN ĐOÀN TRÚC GIANG	04/10/1999	Nam	76 ấp Bình Phú, xã Hương Mỹ, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Kỹ thuật hình ảnh y học	0006662/BTR-CCHN; 2513/ĐHYDCT-2022	B2	Tin học cơ bản		ĐẠT	
2	HỒ ĐÌNH KHÔI	17/06/1999	Nam	211 ấp Tân Phước, xã Hưng Nhượng, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Kỹ thuật hình ảnh y học	0006690/BTR-CCHN; 2521/ĐHYDCT-2022	ĐẠT	Tin học cơ bản		ĐẠT	
3	NGUYỄN THÀNH NHÂN	19/03/2001	Nam	Ấp Kinh Xuôi, xã Tam Ngãi, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Kỹ thuật hình ảnh y học	000233/TV-GPHN	B2	Tin học cơ bản		ĐẠT	
4	NGUYỄN THỊ NHƯ Ý	20/01/2001	Nữ	Ấp Tân Điền, xã Thành Thới, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Kỹ thuật hình ảnh y học	000239/BTR-GPHN	B1	Tin học cơ bản		ĐẠT	
9. Vị trí: Cử nhân xét nghiệm												
1	NGUYỄN XUÂN AN	08/02/1994	Nam	209A khu phố 3, phường Phú Tân, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	0006525/BTR-CCHN	Bậc: 3	Tin học cơ bản		ĐẠT	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí tuyển dụng					Đối tượng ưu tiên	Kết quả	Ghi chú
					Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Chứng chỉ hành nghề/Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp	Ngoại ngữ	Chứng chỉ khác			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
2	NGUYỄN VĂN HẢI ĐĂNG	13/07/2001	Nam	Ấp Bình Thủy, xã Quới Thiện, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	000240/VL-GPHN	B1			ĐẠT	
3	VÕ THỊ HỒNG DIỄM	02/01/1997	Nữ	266B ấp Bình Thành, phường Bến Tre, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	0006534/BTR-CCHN	Bậc: 3	Tin học cơ bản		ĐẠT	
4	PHẠM LÊ THÙY DƯƠNG	29/12/1995	Nữ	79 ấp Phú Thứ Trong, xã Lương Phú, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	0006244/BTR-CCHN	B	Tin học cơ bản		ĐẠT	
5	PHẠM THỊ MỘNG DUYỀN	01/11/2000	Nữ	475 xã Châu Hòa, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	0006762/BTR-CCHN	B1	Tin học cơ bản		ĐẠT	
6	BÙI THỊ NGỌC HÂN	14/09/2000	Nữ	Ấp Giồng Xép, xã Nhuận Phú Tân, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	0006679/BTR-CCHN	B2	Tin học cơ bản		ĐẠT	
7	NGUYỄN THỊ THÚY HOA	30/10/1997	Nữ	514 xã Châu Hòa, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	0006252/BTR-CCHN	B	Tin học cơ bản		ĐẠT	
8	NGUYỄN THỊ ÁNH HỒNG	28/07/1995	Nữ	224A1 phường Phú Tân, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	000304/BTR-GPHN	B	Tin học B		ĐẠT	
9	LÊ MINH KHOA	08/01/1999	Nam	Ấp Đông Thạnh, xã Tân Thành Bình, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	056852/HCM-CCHN	B1	Tin học cơ bản, nội kiểm tra chất lượng xét nghiệm, an toàn sinh học trong P.XN		ĐẠT	
10	PHẠM THỊ THÙY LINH	15/05/1999	Nữ	076/XM, ấp Xóm Mới, xã Mỹ Chánh Hoà, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	0006483/BTR-CCHN	B	Tin học nâng cao		ĐẠT	
11	LÊ TÂN LỘC	20/03/2001	Nam	188 ấp Phú Thứ Ngoài, xã Lương Phú, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	000279/BTR-GPHN	Bậc: 3	Tin học cơ bản		ĐẠT	
12	LÊ THỊ HỒNG NGUYỄN	04/02/1998	Nữ	191 ấp Ao Vương, xã Thạnh Trị, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	007665/CT-CCHN	B/B1	Tin học nâng cao; An toàn sinh học P.XN; Nội kiểm tra chất lượng XN.		ĐẠT	
13	NGÔ THỊ THẢO NHƯ	18/08/2000	Nữ	09 tổ 19, ấp Mỹ Thạnh, xã Phước Long, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	0006711/BTR-CCHN	B2	Tin học cơ bản		ĐẠT	
14	NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG	28/10/2001	Nữ	542/22 ấp Long Hòa, xã Chợ Lách, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	000305/BTR-GPHN	B1	Tin học cơ bản		ĐẠT	
15	NGUYỄN NGUYỆT QUÊ	01/01/2001	Nữ	114B ấp Hòa Hưng Thạnh, xã Giao Long, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	000287/BTR-CCHN	B1	Tin học cơ bản		ĐẠT	
16	HỒ TÂN TÀI	12/06/2000	Nam	Ấp Leng, xã Tập Sơn, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	005452/TV-CCHN	B1			ĐẠT	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí tuyển dụng					Đối tượng ưu tiên	Kết quả	Ghi chú
					Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Chứng chỉ hành nghề/Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp	Ngoại ngữ	Chứng chỉ khác			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
17	NGUYỄN THỊ KIM THOA	03/04/2001	Nữ	Ấp Tân Điền, xã Thành Thới, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	000320/BTR-GPHN	B1	Tin học nâng cao		ĐẠT	
18	LÊ THỊ QUẾ TRÂN	01/05/2000	Nữ	147/2 ấp Đại Thôn, xã Thạnh Phong, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	000006/BTR-GPHN	Bậc: 3	Tin học cơ bản		ĐẠT	
19	ĐỖ CAO QUANG TRƯỜNG	27/02/1999	Nam	49B1 ấp Mỹ An B, phường An Hội, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	000046/BTR-GPHN	ĐẠT	Tin học cơ bản		ĐẠT	
10. Vị trí: Cao đẳng Vật lý trị liệu Phục hồi chức năng												
1	LÊ MINH TRÍ	23/10/1994	Nam	62/626 khu phố 6, phường An Hội, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Kỹ thuật phục hồi chức năng	000076/BTR-GPHN	B			ĐẠT	
2	LÊ XUÂN TRIỀU	07/01/1990	Nam	217 đường Tô Ngọc Vân, Khu phố 88, phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Cao đẳng	Kỹ thuật phục hồi chức năng	000078/BTR-GPHN	B			ĐẠT	
3	PHAN THỊ THANH TRÚC	24/01/1995	Nữ	331 ấp Phú Tân, xã Châu Hoà, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Kỹ thuật phục hồi chức năng	000076/BTR-GPHN	B			ĐẠT	
4	LÊ NHỰT TÙNG	23/01/1994	Nam	605B6 khu phố 3, phường Phú Khương, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Kỹ thuật phục hồi chức năng	000075/BTR-GPHN	B			ĐẠT	
11. Vị trí: Cao đẳng Hộ sinh												
1	NGUYỄN THỊ TUYẾT LINH	07/09/1993	Nữ	255/45 ấp Gia Phước, xã Hưng Khánh Trung, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Hộ sinh	0005897/BTR-CCHN				ĐẠT	
2	VÕ MINH THẢO	26/11/1996	Nữ	752 ấp 6, xã Giồng Trôm, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Hộ sinh	000509/BTR-GPHN	B1	Tin học cơ bản		ĐẠT	
3	PHAN THỦY TIỀN	18/10/1998	Nữ	Ấp Giồng Kiển, xã Thạnh Trị, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Hộ sinh	0005996/BTR-CCHN	B1	Tin học cơ bản		ĐẠT	
12. Vị trí: Dược sĩ Đại học												
1	NGUYỄN THỊ LOAN ANH	30/08/1995	Nữ	230/1F ấp An Thạnh A, phường An Hội, tỉnh Vĩnh Long	Sau đại học	Dược sĩ	5960/CCHN-D-SYT-BD	Bậc 4	Tin học cơ bản		ĐẠT	
2	NGUYỄN NGỌC CHƠN	01/02/1994	Nam	137 ấp Phước Trung, xã Phước Mỹ Trung, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Dược học	16123/CCHN-D-SYT-BTR	ĐẠT	BD theo tiêu chuẩn CDNN Dược		ĐẠT	
3	TRẦN NHẬT DUY	13/09/1996	Nam	144/2 khu phố 9, phường An Hội, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Dược học	11624/CCHN-D-SYT-BTR	C		HTNV tham gia CAND	ĐẠT	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí tuyển dụng					Đối tượng ưu tiên	Kết quả	Ghi chú
					Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Chứng chỉ hành nghề/Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp	Ngoại ngữ	Chứng chỉ khác			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
4	HUỖNH THỊ MỸ DUYÊN	09/05/1996	Nữ	201/38 ấp Thanh Trung, xã Hưng Khánh Trung, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Dược học	04122/CCHN-D-SYT-BTR	CN ngôn ngữ Anh	Tin học B		ĐẠT	
5	NGUYỄN THỊ THÚY HIỀN	27/07/1986	Nữ	316/HN ấp Hưng Nhơn, xã An Hiệp, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Dược học	12876/CCHN-D-SYT-HCM	Bậc 3			ĐẠT	
6	VƯƠNG THỊ KIM HUYỀN	26/02/1996	Nữ	16F ấp 2, phường Sơn Đông, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Dược học	1677/CCHN-D-SYT-TG	Bậc 3	Tin học cơ bản		ĐẠT	
7	NGUYỄN VÕ MINH KHÁNH	08/10/1999	Nam	79a/3, khu phố 3, phường Sơn Đông, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Dược sĩ	19924/CCDN-D-SYT-BTR	B			ĐẠT	
8	NGUYỄN THỊ TRÚC MI	10/05/1987	Nữ	98/14 đường Tân Kế, phường An Hội, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Dược sĩ	03523/CCHN-D-SYT-BTR	B			ĐẠT	
9	LÊ DƯƠNG THỊ MỸ NGÂN	02/11/1995	Nữ	Ấp Tân Thuận Ngoài, xã Phước Mỹ Trung, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Dược sĩ	12423/CCHN-D-SYT-BTR	ĐẠT	An toàn tiêm chủng; Thực hành tốt bảo quản vaccin; Quản lý dược Dược lâm sàng.		ĐẠT	
10	LÊ THỊ ÁNH NGỌC	15/10/1988	Nữ	G5 khu phố 6, phường Phú Khương, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Dược học	1968/ĐT-CCHND	B			ĐẠT	
11	HỒ TRÚC QUYÊN	17/06/1996	Nữ	109/118, khu phố 11, đường Đoàn Hoàng Minh, phường An Hội, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Dược sĩ	9666/CCHN-D-SYT-HCM	C	Tin học cơ bản		ĐẠT	
12	LÊ QUANG KHOA THI	21/01/1990	Nữ	223 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp	Đại học	Dược sĩ	4170/CCHN-D-SYT-HCM	B	Tin học B		ĐẠT	
13	LÊ THỊ THANH THÚY	19/06/1991	Nữ	103 ấp An Trạch Đông, xã Thành Thới, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Dược sĩ	1231/CCHN-D-SYT-HAUG	B	Tin học B		ĐẠT	
14	LÊ THỊ THÚY TIỀN	15/04/1987	Nữ	Ấp Tân Phú Đông A, xã An Định, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Dược sĩ	00816/BTR-CCHND	ĐẠT	Quản lý dược dược lâm sàng		ĐẠT	
15	THÁI HOÀNG TÚ	05/05/1987	Nam	69B đường Nguyễn Huệ, khu phố 4, phường An Hội, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Dược	13224/CCHN-D-SYT-BTR	ĐẠT			ĐẠT	
16	PHAN ANH TÚ	01/01/1996	Nữ	138C đường Nguyễn Văn Tư, phường Bến Tre, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Dược sĩ	35522/CCHN-D-SYT-BTR	C	Tin học cơ bản		ĐẠT	
13. Vị trí: Dược sĩ Cao đẳng												
1	LÊ TRƯỜNG AN	04/02/1993	Nam	Ấp Phước Điền, xã Đồng Khởi, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Dược học	17724/CCHN-D-SYT-BTR			HTNV tham gia CAND	ĐẠT	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí tuyển dụng					Đối tượng ưu tiên	Kết quả	Ghi chú
					Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Chứng chỉ hành nghề/Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp	Ngoại ngữ	Chứng chỉ khác			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
2	ĐỖ THỊ HỒNG ÂN	15/05/1993	Nữ	26D ấp Bình Thành, phường Bến Tre, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Dược học	14823/CCHN-D-SYT-BTR				ĐẠT	
3	LÊ HOÀNG ĐẠT	17/03/1997	Nam	Ấp Hưng Bình, xã Hưng Nhượng, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Dược	17924/CCHN-D-SYT-BTR	B	Tin học B		ĐẠT	
4	MAI THỊ NGỌC DIỄM	10/02/2000	Nữ	Ấp Hòa Thuận II, xã Tân Thành Bình, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Dược học	00324/CCHN-D-SYT-BTR				ĐẠT	
5	PHAN THỊ THÙY DƯƠNG	03/03/1993	Nữ	268A4 ấp Bình Thạnh, phường Bến Tre, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Dược	18824/CCHN-D-SYT-BTR				ĐẠT	
6	HUỲNH THỊ THÙY DƯƠNG	15/11/1996	Nữ	201/4 ấp Thạnh Thới Đông, xã Thạnh Hải, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Dược	300/CCHN-D-SYT-TV				ĐẠT	
7	PHẠM KHẮC DUY	20/10/1999	Nam	623 khu phố Chợ, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp	Cao đẳng	Dược học	2526/CCHN-D-SYT-TG		Tin học văn phòng		ĐẠT	
8	LÊ THỊ THÚY HOA	01/09/1993	Nữ	590 xã Hưng Nhượng, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Dược	00323/CCHN-D-SYT-BTR	B	Tin học B		ĐẠT	
9	PHẠM THỊ NGỌC HƯƠNG	22/05/1985	Nữ	118A18 khu phố 2, phường Phú Tân, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Dược	16424/CCHN-D-SYT-BTR				ĐẠT	
10	TRỊNH LÊ THẢO LINH	27/02/1999	Nữ	195 ấp Giồng Chùa, xã Nhuận Phú Tân, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Dược	11323/CCHN-D-SYT-BTR				ĐẠT	
11	THÁI THỊ BẢO QUYỀN	15/12/1999	Nữ	143 tổ 6, ấp Định Nhơn, xã Đồng Khởi, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Dược	003088/CCHN-D-SYT-AG				ĐẠT	
12	LÊ MINH SANG	06/10/2001	Nam	Ấp Giồng Giá, xã Hoà Minh, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Dược	17624/CCHN-D-SYT-BTR				ĐẠT	
13	TRẦN THỊ THÙY TIỀN	25/06/1997	Nữ	350/3 ấp 3, phường Sơn Đông, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Dược học	09422/CCHN-D-SYT-BTR	B	Tin học cơ bản		ĐẠT	
14	ĐOÀN THỊ THÙY TIỀN	06/08/1997	Nữ	415/4D ấp An Thuận A, phường An Hội, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Dược	34122/CCHN-D-SYT-BTR	B	Tin học cơ bản		ĐẠT	
15	NGUYỄN NGỌC TRẦN	06/06/1998	Nữ	547/2 xã Phú Phụng, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Dược học	20021/CCHN-D-SYT-BTR	B	Tin học cơ bản		ĐẠT	
16	NGUYỄN THỊ THU TRÚC	29/06/2000	Nữ	124/5 ấp Quý Thuận A, xã Quới Điền, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Dược	17524/CCHN-D-SYT-BTR	B	Tin học cơ bản		ĐẠT	
14. Vị trí: Kỹ sư dinh dưỡng												

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí tuyển dụng					Đối tượng ưu tiên	Kết quả	Ghi chú
					Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Chứng chỉ hành nghề/Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp	Ngoại ngữ	Chứng chỉ khác			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	NGUYỄN THỊ HOÀNG CHÂU	28/01/2000	Nữ	38D ấp 3, phường Phú Khương, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Kỹ sư Công nghệ thực phẩm		ĐẠT			ĐẠT	
2	NGUYỄN THỊ TRANG THI	13/08/1997	Nữ	624A ấp Nhơn Nghĩa, xã Phú Khương, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Kỹ sư Công nghệ thực phẩm		ĐẠT			ĐẠT	
15. Vị trí: Cử nhân Công nghệ Thông tin												
1	NGUYỄN MINH CHIÊN	28/09/1995	Nam	Số 78, tổ 4, ấp Tân Hòa, xã Tân Thành Bình, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Kỹ sư Khoa học máy tính	3104/TBDCB	ĐẠT			ĐẠT	
2	LƯƠNG KIM NGUYỄN	21/07/1995	Nữ	Số 72, ấp Tân Phú Tây B, xã An Định, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Kỹ sư Công nghệ thông tin		ĐẠT	Tin học cơ bản; Kỹ năng thực hành nghề.		ĐẠT	
3	NGUYỄN HỮU TRÍ	04/02/1993	Nam	5/4 đường Nguyễn Ngọc Ba, phường Thới Sơn, tỉnh Đồng Tháp	Đại học	Kỹ sư Công nghệ thông tin		ĐẠT			ĐẠT	
4	ĐINH THỊ PHƯƠNG TRINH	21/06/1981	Nữ	Xã Đồng Khởi, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Cử nhân Công nghệ thông tin		B			ĐẠT	
16. Vị trí: Cao đẳng Công nghệ Thông tin												
1	HUỖNH VĂN DŨNG	02/11/1990	Nam	Ấp An Hòa, xã Mỏ Cày, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Tin học		B			ĐẠT	
2	PHAN HUỖNH TÂN	13/10/1999	Nam	Ấp Thành Hóa 2, xã Tân Thành Bình, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Công nghệ thông tin					ĐẠT	
17. Vị trí: Kế toán đại học												
1	NGÔ THỊ THÚY AN	10/10/1998	Nữ	386 ấp Hưng Quý, xã Phước Long, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Kế toán	126879 ĐTBĐ/HVTC	TOEIC 505	Office Excel, Word 2010		ĐẠT	
2	ĐẶNG THỊ NGỌC CHÂU	10/09/1989	Nữ	47 ấp Ông Thung, xã Phước Mỹ Trung, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Tài chính Ngân hàng	117279 ĐTBĐ/HVTC	B			ĐẠT	
3	NGUYỄN THỊ NGỌC HUỖN	31/10/1990	Nữ	327 ấp Bến Dò, xã Lương Phú, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Kế toán	111322 ĐTBĐ/HVTC	B2			ĐẠT	
4	NGUYỄN VŨ THÚY MAI	15/08/1991	Nữ	597D khu phố 9, phường Phú Khương, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Tài chính Ngân hàng	118445 ĐTBĐ/HVTC	B	Tin học B		ĐẠT	
5	NGUYỄN TÂN MINH	13/09/1983	Nam	57Đ khu phố Bình Thành, phường Bến Tre, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Kế toán		B1	Tin học A		ĐẠT	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí tuyển dụng					Đối tượng ưu tiên	Kết quả	Ghi chú
					Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Chứng chỉ hành nghề/Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp	Ngoại ngữ	Chứng chỉ khác			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
6	NGUYỄN THỊ TUYẾT NGÂN	04/04/1993	Nữ	238 khu phố Long Thuận, phường An Hội, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Kế toán		B	Tin học B		ĐẠT	
7	NGUYỄN KIM NGÂN	21/04/1984	Nữ	70 khu phố 2, đường Công Lý, xã Mỏ Cày, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Kế toán		B	Tin học B		ĐẠT	
8	TRẦN THỊ THANH NHÂN	06/09/1992	Nữ	Ấp 3, xã Chợ Lách, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Tài chính Ngân hàng		B	Tin học B		ĐẠT	
9	NGUYỄN HOÀNG PHƯỚC	09/07/1991	Nam	9/9 đường Ngô Quyền, phường An Hội, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Kế toán	06/QĐ-BDCB	B	Tin học B		ĐẠT	
10	NGUYỄN THỊ TRÚC PHƯƠNG	11/10/1999	Nữ	438C9 đường Nguyễn Huệ, phường Phú Khương, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Kế toán	323 /QĐ-BDCB	B1 (Hutech)	Tin học nâng cao; Thực hành kỹ năng kiểm toán.		ĐẠT	
11	HUỖNH VỎ MINH PHƯƠNG	25/11/1997	Nữ	25/5C khu phố Mỹ An C, phường An Hội, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Kế toán	111366 ĐTBĐ/HVTC	ĐẠT			ĐẠT	
12	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	26/07/1993	Nữ	236 ấp Phú Chánh, phường Phú Khương, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Tài chính Ngân hàng	126933 ĐTBĐ/HVTC	B	Tin học B		ĐẠT	
13	NGUYỄN THỊ THIẾT	15/07/1990	Nữ	Khu phố Hữu Thành, phường Phú Tân, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Kế toán	338/QĐ-BDCB	B	Tin học B		ĐẠT	
14	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	31/08/1987	Nữ	209C khu phố 3, phường Bến Tre, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Kế toán	323 /QĐ-BDCB	B	Tin học B		ĐẠT	
15	ĐẶNG THỊ QUYỀN TRANG	19/09/2001	Nữ	185 ấp Bình Hiệp, xã Chợ Gạo, tỉnh Đồng Tháp	Đại học	Kế toán		ĐẠT			ĐẠT	
18. Vị trí: Kế toán Cao đẳng												
1	ĐẶNG THỊ NGỌC HUYỀN	04/01/1998	Nữ	78B, khu phố 12, phường An Hội, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Kế toán		Cao đẳng Tiếng Anh	Tin học cơ bản		ĐẠT	
2	NGUYỄN THỊ MỘNG THƯƠNG	10/12/1990	Nữ	156 ấp Phú Trạch 1, xã Hương Mỹ, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Kế toán	117346 ĐTBĐ/HVTC	B	Tin học A		ĐẠT	
3	HỒ THUY THÙY TRANG	23/07/2003	Nữ	Ấp Bình Hòa, Xã Bình Đại, Tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Kế toán		A2	Tin học cơ bản		ĐẠT	
4	BÙI THỊ MỸ TRINH	19/07/1993	Nữ	Ấp An Hòa, xã Đồng Khởi, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Kế toán	118475 ĐTBĐ/HVTC	B			ĐẠT	
5	HUỖNH THẢO UYÊN	24/02/1998	Nữ	56C đường Nguyễn Văn Tư, phường Bến Tre, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng	Kế toán	118477 ĐTBĐ/HVTC	B	Tin học cơ bản		ĐẠT	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí tuyển dụng					Đối tượng ưu tiên	Kết quả	Ghi chú
					Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Chứng chỉ hành nghề/Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp	Ngoại ngữ	Chứng chỉ khác			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
19. Vị trí: Chuyên viên												
1	HỒ THỊ MỸ DUYỀN	04/10/2002	Nữ	430/PTHO, ấp Phước Thới, xã Tân Xuân, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Quản lý nhà nước		ĐẠT	Tin học cơ bản		ĐẠT	
2	VÕ THỊ YẾN PHƯỢNG	01/08/1991	Nữ	97 ấp An Lợi, xã Thành Thới, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Quản trị kinh doanh		B	Tin học B		ĐẠT	
3	CHÂU NGỌC TRUNG	07/09/1983	Nam	452C ấp 3, phường An Hội, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Cử nhân Kinh tế		B			ĐẠT	
4	PHAN NGUYỄN CẨM TÚ	30/11/1989	Nữ	175A ấp Phước Tân, xã Sơn Đông, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Quản trị kinh doanh		B	Tin học B		ĐẠT	
5	NGUYỄN THANH VY	28/08/1996	Nữ	213A, khu phố Bình Khới, phường Sơn Đông, tỉnh Vĩnh Long	Sau đại học	Quản trị kinh doanh		Bậc: 3 (Hutech)		Con thương binh 4/4(35%)	ĐẠT	
20. Vị trí: Cử nhân Y tế công cộng												
1	NGUYỄN HỮU TRỌNG NHÂN	28/06/1992	Nam	25A đường Nguyễn Văn Tạo, phường Long An, tỉnh Tây Ninh	Đại học	Y tế công cộng	23.RY6829	B	Tin học A		ĐẠT	
2	NGUYỄN THỊ TUYẾT NHUNG	31/10/1994	Nữ	07C ấp Tân Hào, phường Phú Khương, tỉnh Vĩnh Long	Đại học	Y tế công cộng		B	Tin học ứng dụng		ĐẠT	
TC	230	230	230	230	230	230	210	164	112	4	230	0

TỔNG CỘNG: 230 THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THAM GIA VÒNG 2